TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 101/2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2017
V/v: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Công Bằng
-Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lê Việt Hùng
2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 428/ 2017/ TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017, về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Nghiêm Xuân Đ, sinh năm: 1967
Địa chỉ: Số 10/1, ấp B, xã H, huyện H, tỉnh L.

2.Bị đơn: Trần Thị Thương H, sinh năm: 1974 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 10/1, ấp B, xã H, huyện H, tỉnh L.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu cộng nghiệp P
Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện H, tỉnh L
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân C – Chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Nghiêm Xuân Đ trình bày:

Qua quen biết anh và chị Trần Thị Thương H tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân phường 9, thị xã L (thành

phố L), tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/02/2009. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị H không có trách nhiệm với gia đình, với chồng con, nhiều lần tự ý bỏ nhà đi. Trước khi đi đều lấy tài sản, tiền bạc của anh mang theo tiêu xài phung phí. Cụ thể thời gian gần đây bỏ nhà đi 03 tháng, khi đi mang theo khoản tiền ăn học của con cái để tiêu xài cá nhân, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị không thay đổi. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nghiêm Tiến T, sinh năm: 1996, Nghiêm Tiến Đ, sinh năm: 1999 đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết, Nghiêm Đức P, sinh năm: 2005 và Nghiêm Thị Phương A, sinh năm 2010. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi 02 cháu P và A. Yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp P số tiền 50.000.000 đồng. Anh Đ tự nguyện trả, không yêu cầu chị H cùng trả.

-Bị đơn chị Trần Thị Thương H trình bày: Chị H vắng mặt trong các phiên hòa giải. Tại bản khai ý kiến đề ngày 18/12/2017 chị H trình bày: Chị và anh Đ tiến đến hôn nhân vào năm 1995, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống chị và anh Đ có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân từ vấn đề tiền bạc, anh Đ có tính lăn nhăn bên ngoài, sống không có hạnh phúc, chị và anh Đ không có chung sống với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Trước đây chị có nộp đơn xin ly hôn với anh Đ, nhưng chị muốn cho anh Đ cơ hội sửa đổi nên đã rút đơn khởi kiện. Chị và anh Đ sống không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm gì với anh Đ nên chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nghiêm Tiến T, sinh năm: 1996, Nghiêm Tiến Đ, sinh năm: 1999, Nghiêm Đức P, sinh năm: 2005 và Nghiêm Thị Phương A, sinh năm 2010. Chị yêu cầu được nuôi cháu A, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Ý kiến của cháu Nghiêm Đức P và Nghiêm Thị Phương A: Hai cháu là con của anh Đ và chị H. Khi cha mẹ ly hôn hai cháu có nguyện vọng được ở với cha.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại văn bản số 33/2017/NH-HP ngày 15/12/2017 Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp P trình bày: Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp P đồng ý với ý kiến của anh Đ, chấp nhận để anh Đ trả nợ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, không yêu cầu chị H cùng trả. Trường hợp phát sinh chia tài sản chung của vợ chồng thì yêu cầu anh Đ, chị H cùng trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng không có yêu cầu anh Đ trả nợ trong vụ án này và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

**Tại phiên Tòa các đương sự trình bày:*

-Anh Đ trình bày: Trong thời gian chị H sống với anh, nhiều lần chị H bỏ nhà đi không rõ lý do, khi đi mang theo nhiều tài sản của anh tiêu xài phung phí, trong thời gian làm ăn khó khăn, chị H đưa đơn ra tòa ly hôn. Nhiều tháng nay chị H bỏ nhà đi không biết ở đâu, anh vừa đi làm vừa phải lo cho con. Về số nợ Ngân hàng anh đồng ý trả, không yêu cầu chị H cùng trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Trần Thị Thương H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nhưng vắng mặt. Ngày 18/12/2017 chị H có nộp cho Tòa án bản khai ý kiến, ngày 01/12/2017 Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp P có văn bản trình bày ý kiến, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đ, yêu cầu xin ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Anh Đ và chị H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân phường 9, thị xã L (thành phố L) tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 13 tháng 02 năm 2009. Do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Hôn nhân là phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, vun vén cho hạnh phúc gia đình nhưng anh Đ và chị H sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẩn. Anh Đ cho rằng chị H thường hay bỏ nhà ra đi không lo cho chồng con, tiêu xài tiền phung phí, gần đây nhất là đã bỏ đi 03 tháng không về chị H cho rằng anh Đ có tính lăn nhăn, không lo làm ăn. Cụ thể hai người đã nhiều lần ra tòa ly hôn sau đó hàn gắn, nhưng sống lại cũng không có hạnh phúc, hiện giờ chị H đã bỏ đi không còn chung sống với anh Đ. Cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H không muốn đoàn tụ và đồng ý ly hôn với anh Đ. Việc anh Đ yêu cầu ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xin nuôi con của của anh Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: anh Đ và chị H có 4 người con, 02 con lớn đã trưởng thành, riêng cháu P và A đang sống cùng anh sau khi vợ bỏ đi. Chị H có yêu cầu được nuôi cháu A, nhưng theo anh Đ trình bày, nhiều tháng nay chị H đi khỏi nhà, anh Đ là người nuôi con, tại phiên tòa chị H cũng vắng mặt, cho thấy chị không thiết tha đối với yêu cầu nuôi cháu A. Nguyện vọng của 2 cháu là được ở với anh Đ. Để tránh ảnh hưởng đến tình cảm và tâm sinh lý của hai cháu, nên tiếp tục giao hai cháu cho anh Đ nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh Đ xin rút lại yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh Đ, yêu cầu này không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Đ trình bày có nợ Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp P 50.000.000 đồng. Anh Đ tự nguyện trả nợ không yêu cầu chị H cùng trả, Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp P không có yêu cầu anh Đ và chị H trả nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc anh Đ phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho anh Nghiêm Xuân Đ được ly hôn với chị Trần Thị Thương H.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nghiêm Đức P, sinh ngày 19/11/2005 và Nghiêm Thị Phương A, sinh ngày 02/6/2010 cho anh Nghiêm Xuân Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thương H có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6.Về án phí: Buộc anh Nghiêm Xuân Đ nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Anh Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001041 ngày 26/10/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày sau ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-Ủy ban nhân dân phường 9
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng